TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PY** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:09/2024/QĐST-HNGĐ	*PY, ngày 20 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1993;
- Anh Lục Văn H, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã TC, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Lục Văn H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân xã ĐM, huyện TK, tỉnh Cao Bằng vào ngày 04/3/2013 (số đăng ký kết hôn 10, quyển số 01/2013). Trước khi đăng ký kết hôn chị và anh H đã chung sống với nhau như vợ chồng và chị đã có thai. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Do vậy chị M và anh H cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 3 năm 2024 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị M, anh H đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là Lục Ngọc L, sinh ngày 20/5/2013. Từ khi sinh ra đến

nay cháu không biết nói, không đi học và không biết chữ. Tuy nhiên anh chị cũng chưa đi làm thủ tục người khuyết tật cho cháu. Nay ly hôn chị M, anh H nhất trí thoả thuận giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lục Ngọc L, sinh ngày 20/5/2013 cho đến hết đời. Chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị M, anh H đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

[4]. Về lệ phí: Chị M, anh H thống nhất thỏa thuận: Chị M là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Lục Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị M, anh H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có con một con chung là: Lục Ngọc L, sinh ngày 20/5/2013.

Chị M, anh H thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Hoàng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lục Ngọc L, sinh ngày 20/5/2013 cho đến hết đời. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M, anh H thống nhất thoả thuận: Chị M nuôi con và không yêu cầu anh Hoà cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi chị M có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị M, anh H đều xác định không có.

1.5. Về lệ phí: Chị M, anh H thống nhất thỏa thuận: Chị M nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, theo biên lai thu số 0001531 ngày 05/3/2024.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã ĐM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy